

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM

NGÀNH/NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDCTD ngày / / 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum)*

Kon Tum, năm 2021

TaiLieu.vn

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên trong nhà trường và trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo các tài liệu chuyên ngành liên quan, giảng viên bộ môn đã biên soạn giáo trình Công tác xã hội với trẻ em. Trong đó giảng viên đã tham khảo giáo trình Bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và xao nhãng của Đại học Lao động – Xã hội, tác giả Nguyễn Trung Hải (Chủ biên) và Nguyễn Tuấn Long. Ngoài ra giảng viên có sử dụng các văn bản pháp lý và nhiều nguồn tài liệu tham khảo để biên soạn nên giáo trình này.

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI NÓI ĐẦU

Trẻ em hôm nay là lớp thế hệ kế thừa, tiếp nối, là chủ nhân tương lai của mỗi quốc gia, dân tộc. Ở nước ta công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Điều này được thể hiện qua việc Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới và là nước đầu tiên ở châu Á cùng phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Do đó công tác xã hội với trẻ em có tầm quan trọng đặc biệt trong hoạt động của ngành công tác xã hội chuyên nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu về tài liệu giảng dạy, học tập, giảng viên đã biên soạn giáo trình Công tác xã hội với trẻ em.

Đối tượng mà giáo trình này hướng đến là những sinh viên năm thứ hai, ngành Công tác xã hội của trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum. Đây là tập tài liệu lưu hành nội bộ chỉ phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của sinh viên trong nhà trường.

Giáo trình được trình bày một cách cô đọng, ngắn gọn, dễ hiểu dưới dạng một bài giảng bộ môn nhằm giảm bớt thời gian ghi chép của người học để tập trung vào việc nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thực hành. Trong mỗi chương được trình bày theo cấu trúc: giới thiệu những kiến thức cơ bản, mục tiêu, nội dung, câu hỏi ôn tập thảo luận, yêu cầu đánh giá kết quả học tập giúp sinh viên chủ động hơn trong học tập.

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, nhưng không tránh khỏi những hạn chế. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý Thầy, Cô trong nhà trường và đặc biệt là các bạn sinh viên để Giáo trình ngày càng được hoàn thiện hơn.

Kon Tum, ngày.....tháng 9 năm 2021

Tác giả



Bùi Thị Thảo Nguyễn

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

TÊN MÔN HỌC: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM

Mã môn học: 61033042

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Công tác xã hội với trẻ em là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội trình độ cao đẳng. Được bố trí vào học kỳ I năm thứ hai, sau một số môn học cơ sở và chuyên ngành.

- Tính chất: Là môn học lý thuyết chuyên môn nghề bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội trình độ cao đẳng.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học:

Môn học có ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Trong bối cảnh hiện nay công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm, do đó việc học tập môn học sẽ trang bị cho những nhân viên công tác xã hội trong tương lai những kiến thức, những kỹ năng cơ bản và những kỹ thuật khi làm việc với trẻ em. Góp phần đào tạo xây dựng và phát triển mạng lưới nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp trong hệ thống chính sách về chăm sóc, bảo vệ trẻ em ở Việt Nam.

Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số khái niệm và một số nội dung cơ bản trong các văn bản pháp lý liên quan đến công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

+ Trình bày và xác định được các vấn đề trong công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

- + Phân tích được quy trình can thiệp, bảo vệ trẻ em.
- + Phân tích được các vấn đề về hỗ trợ trẻ em trong trường hợp khủng hoảng.
- + Trình bày được một số kỹ năng cần thiết trong làm việc với trẻ em.
- Về kỹ năng:
 - + Rèn luyện các kỹ năng về ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền thông, kỹ năng quan sát – lắng nghe, kỹ năng can thiệp – giải quyết vấn đề, kỹ năng tham vấn...
 - + Vận dụng các kiến thức để can thiệp, giải quyết các vấn đề về trẻ em và các vấn đề khác trong học tập và thực tiễn đạt hiệu quả.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện ý thức chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân.
 - + Có ý thức trau dồi chuyên môn, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp trong vai trò nhân viên xã hội sau này.
 - + Quan tâm, chăm sóc và dành những điều tốt đẹp nhất cho trẻ em trên nguyên tắc bình đẳng không phân biệt đối xử.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHĂM SÓC, BẢO VỆ TRẺ EM

Giới thiệu

Khái quát một số vấn đề chung về chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng. Công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em phải được cụ thể hóa bằng pháp luật, bởi pháp luật là yếu tố quan trọng trong các yếu tố có khả năng bảo vệ trẻ em. Môi trường bảo vệ trẻ em hiệu quả phải là môi trường đặt trong sự bảo vệ của hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Do đó, nội dung chương 1 cũng sẽ giới thiệu một số văn bản pháp lý quan đến bảo vệ trẻ em của quốc tế và Việt Nam.

Mục tiêu

- **Về kiến thức:** Trình bày được một số khái niệm: về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng v.v...; Trình bày được một số nội dung cơ bản trong các văn bản pháp lý liên quan đến công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

- **Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng trong việc tuyên truyền, phổ biến, thực thi quyền trẻ em nói chung và chăm sóc bảo vệ trẻ em nói riêng. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn đời sống, nhận thức được các trường hợp trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tích cực, chủ động phát huy vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

Nội dung chính

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. 1.1. Khái niệm trẻ em (1-3)

Điều 1 Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em quy định: "Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp

áp dụng đối với trẻ em đã có quy định tuổi thành niên sớm hơn".

Theo Điều 1 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: “Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi”.

Theo Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”

Trong Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tại Điều 21 về người chưa thành niên là “người chưa đủ 18 tuổi”.

Như vậy, trẻ em cũng là người chưa thành niên và có thể nói: Người chưa thành niên bao gồm trẻ em và những người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

2. 1.2. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Theo Điều 3 và Điều 40 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định “Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh không bình thường về thể chất hoặc tinh thần, không đủ điều kiện để thực hiện các quyền cơ bản của mình, khó hòa nhập với gia đình và cộng đồng”.

Theo Điều 4 Luật trẻ em năm 2016 “Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện được quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng”.

** Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các nhóm sau đây:*

1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ
2. Trẻ em bị bỏ rơi
3. Trẻ em không nơi nương tựa
4. Trẻ em khuyết tật
5. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS
6. Trẻ em vi phạm pháp luật
7. Trẻ em nghiện ma túy

8. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở
9. Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực
10. Trẻ em bị bóc lột
11. Trẻ em bị xâm hại tình dục
12. Trẻ em bị mua bán
13. Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo
14. Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc

Chính phủ quy định chi tiết các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chính sách hỗ trợ phù hợp đối với từng nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

3. 1.3. Trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng (3, 4)

Là trẻ em chưa bị tác động bởi các hành vi xâm hại, bóc lột và sao nhãng, nhưng có thể sẽ bị tổn thương về mặt thể chất, tinh thần, tình cảm, đạo đức và xã hội nếu không có hoạt động phòng ngừa, can thiệp bảo vệ trẻ kịp thời.

1.3.1. Khái niệm về xâm hại, bóc lột và sao nhãng

Theo Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016: “Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác”.

Như vậy, việc lạm dụng, ngược đãi, bóc lột và sao nhãng là một trong những hình thức xâm hại trẻ em. Theo Liên hợp quốc: "Xâm hại hay ngược đãi trẻ em là tất cả các hình thức đối xử tồi tệ về tình cảm hoặc thể chất, lạm dụng tình dục, sao nhãng, đối xử không đúng mức hoặc bóc lột vì mục đích thương mại hay các mục đích khác gây ra tổn hại thực tế hoặc tiềm ẩn đối với sự phát triển, sự sống còn, sức khỏe hay nhân phẩm của trẻ ".

Có nhiều cách phân loại các hình thức xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em. Tuy nhiên, các tài liệu thường đề cập đến năm hình thức chính, đó là: Xâm hại về thể chất, xâm hại về tinh thần, xâm hại tình dục, bóc lột trẻ em và sao nhãng.

1.3.2. Xâm hại thể chất

Là những hành vi đánh đập, lắ, ném, đầu độc, đốt hay làm bỏng, dìm chết, làm nghẹn thở, hay gây những tổn thương thể xác cho một đứa trẻ.

Xâm hại thể chất trẻ em là hành vi có nguy cơ hoặc thực sự gây tổn thương thể chất cho trẻ từ sự tương tác hoặc sự thiếu tương tác nằm trong tầm kiểm soát của bố mẹ hay người có trách nhiệm, quyền lực hay được tin tưởng. Những tai nạn này có thể chỉ diễn ra một lần hay lặp đi lặp lại.

1.3.3. Xâm hại về tinh thần

Xâm hại về tinh thần có thể bao gồm những hành vi mắg chửi hay lăng nhục trẻ. Những hành vi gây tổn thương hoặc làm giảm nhận thức của trẻ về cái tôi, giá trị và năng lực bản thân từ đó tác động lên tiềm năng sáng tạo và phát triển của quá trình hoạt động, khả năng trí tuệ của trẻ; bao gồm trí thông minh, trí nhớ, nhận thức, sự tập trung, khả năng ngôn ngữ và đạo đức.

1.3.4. Xâm hại tình dục

Theo Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016: “*Xâm hại tình dục trẻ em* là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức”.

1.3.5. Sao nhãng

Sao nhãng là việc liên tục chềnh mắg không đáp ứng đủ các nhu cầu vật chất và/ hoặc tâm lý của trẻ dẫn đến giảm sút sức khỏe và sự phát triển của trẻ.

Sao nhãng và chăm sóc cầu thả là sự vô tình hay chềnh mắg của người chăm sóc trong cung cấp các nguồn lực sẵn có cho sự phát triển toàn diện của trẻ

về: sức khỏe, học vấn, phát triển tình cảm, dinh dưỡng, mái ấm và các điều kiện sống an toàn; hoặc gây nên những tổn hại cho sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự phát triển về nguyên tắc sống hay xã hội. Định nghĩa này còn bao gồm sự chênh lệch trong giám sát và bảo vệ trẻ khỏi tổn thương trong mức tối đa.

1.3.6. Bóc lột trẻ em

Theo Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016: “Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi”.

4. 1.4. Bảo vệ trẻ em

Theo Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016: “Bảo vệ trẻ em là việc thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt”.

Bảo vệ trẻ em là một lĩnh vực đặc thù trong hoạt động công tác xã hội, trong đó áp dụng những giá trị, kiến thức và kỹ năng của nghề công tác xã hội để hướng tới việc đảm bảo an toàn và bảo vệ cho trẻ em.

Bảo vệ trẻ em là công tác phòng ngừa, ngăn chặn và can thiệp trợ giúp các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng.

Công tác bảo vệ trẻ em bao gồm mọi hoạt động lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục nhằm đảm bảo mọi trẻ em không bị xâm hại, bóc lột, sao nhãng và lạm dụng. Nó cũng bao gồm và trách nhiệm của cha mẹ, người chăm sóc, cộng đồng và chính phủ trong việc đảm bảo mọi trẻ em trong xã hội được sống trong một môi trường an toàn.

Hoạt động bảo vệ trẻ em bao gồm 4 nhiệm vụ :

- Phòng ngừa sự tổn hại có thể xảy ra với trẻ
- Chấm dứt sự tổn hại đang diễn ra với trẻ

- Phục hồi trẻ em và gia đình sau khi tổn hại hoặc nguy cơ tổn hại đã xảy ra

- Nâng cao sự hiểu biết cho các gia đình về giá trị, tri thức và kỹ năng trong xã hội nhằm thực hiện sự chăm sóc phát triển và bảo vệ trẻ em một cách thích hợp

2. MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ TRẺ EM CỦA QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

5. 2.1. Luật pháp quốc tế (1)

Nếu tính từ đầu thế kỷ XX đến nay, đã có khoảng 80 văn kiện quốc tế liên quan đến quyền trẻ em được các tổ chức quốc tế ban hành hoặc được thông qua tại các hội nghị quốc tế. Hệ thống văn bản đó là thành quả của cả thế kỷ đấu tranh không mệt mỏi của nhân loại tiến bộ nhằm cải thiện vị thế và cuộc sống của trẻ em - một trong những nhóm xã hội dễ bị tổn thương nhất của loài người. Trong số đó, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em là một văn kiện trong hệ thống điều ước quốc tế về nhân quyền, đề cập riêng đến quyền con người của trẻ em.

Công ước đã đưa ra một định nghĩa chung về trẻ em có thể áp dụng cho tất cả các xã hội trên thế giới mà không có sự phân biệt về bất cứ yếu tố nào về chính trị, kinh tế, truyền thống văn hoá, phong tục tập quán...Quan trọng hơn, Công ước đã đưa ra một tập hợp các quyền trẻ em mà rất nhiều quyền trước đó chưa hề được các văn kiện pháp lý quốc tế nào đề cập. Những quyền này bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ, chăm sóc một cách có hiệu quả và được phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ, tình cảm, đạo đức và xã hội.

Công ước đã được hầu hết các nước trên thế giới đồng tình và phê chuẩn.

Việt Nam là nước đầu tiên ở Châu Á và nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em vào ngày 20/2/1990.

Nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về quyền trẻ em được xây dựng dựa trên những nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ Công ước là:

- Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử trong việc đảm bảo thực hiện tất cả các quyền trẻ em

- Nguyên tắc những lợi ích tốt nhất của trẻ em phải được quan tâm hàng đầu trong mọi hoạt động liên quan đến trẻ em.

- Nguyên tắc tôn trọng tất cả mọi quyền của trẻ em mà không có sự can thiệp tùy tiện hoặc cản trở bất hợp pháp.

- Nguyên tắc: những điều khoản ghi trong luật quốc gia hoặc quốc tế có lợi hơn đối với trẻ em so với những điều khoản trong Công ước sẽ được sử dụng.

Với 54 điều, được chia làm ba phần, Công ước phân chia các quyền của trẻ em thành 4 nhóm quyền chính:

- *Nhóm quyền sống còn* : các quyền này bao gồm quyền được sống và quyền được chăm sóc sức khỏe, y tế ở mức cao nhất có thể có được.

- *Nhóm quyền bảo vệ*: Các quyền này bao gồm việc bảo vệ trẻ em thoát khỏi mọi phân biệt đối xử, lạm dụng hay không được quan tâm, bảo vệ .trẻ em không có gia đình cũng như trẻ em tị nạn.

- *Nhóm quyền phát triển*: Các quyền này bao gồm mọi hình thức giáo dục và có quyền được có mức sống đầy đủ cho sự phát triển về thể lực, trí tuệ, tinh thần, đạo đức...

- *Nhóm quyền tham gia*: bao gồm quyền trẻ em được bày tỏ ý kiến quan điểm của mình trong mọi vấn đề có liên quan đến bản thân, quyền được lắng nghe và kết giao hội họp.

Đặc biệt liên quan trực tiếp tới vấn đề xâm hại, bóc lột và xao nhãng đối với trẻ em, Công ước quốc tế về quyền trẻ em đã đề cập khá cụ thể trong một số điều như sau:

Điều 19

1. Các Quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp pháp chế, hành

chính, xã hội và giáo dục thích hợp để bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bạo lực về thể xác hoặc tinh thần, gây tổn thương hay xúc phạm, bỏ mặc hoặc xao nhãng trong việc chăm sóc, ngược đãi hoặc bóc lột, kể cả sự xâm phạm về tình dục, trong khi trẻ em vẫn nằm trong vòng chăm sóc của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, một hay nhiều người giám hộ pháp lý, hoặc của bất kỳ người nào khác được giao việc chăm sóc trẻ em.

2. Những biện pháp bảo vệ như vậy, trong chừng mực thích hợp, phải bao gồm các thủ tục hữu hiệu để thành lập các chương trình xã hội nhằm dành sự hỗ trợ cần thiết cho trẻ em và cho những người chăm sóc trẻ em, cũng như cho các hình thức phòng ngừa khác và cho việc xác định, báo cáo, chuyển cấp, điều tra, xử lý và tiến hành những bước tiếp theo trong trường hợp ngược đãi trẻ em như đã mô tả trước đây, và, nếu thích hợp, cho việc can thiệp của pháp luật.

Điều 20

1. Trẻ em, khi tạm thời hay vĩnh viễn bị tước mất môi trường gia đình của mình, hoặc vì những lợi ích tốt nhất cho chính bản thân mình mà không thể được phép tiếp tục ở trong môi trường ấy, có quyền được hưởng sự bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt của Nhà nước.

2. Các Quốc gia thành viên phải bảo đảm cho trẻ em như thế được hưởng sự chăm sóc thay thế tương ứng, phù hợp với luật pháp quốc gia.

3. Sự chăm sóc như vậy có thể bao gồm nhiều hình thức, chẳng hạn như gửi làm con nuôi hoặc nếu cần thiết, gửi vào những cơ sở chăm sóc trẻ em thích hợp. Khi cân nhắc các giải pháp, cần lưu ý thích đáng rằng sự liên tục trong việc nuôi dạy trẻ em là một điều đáng mong muốn, cũng như phải quan tâm thích đáng đến nguồn gốc dân tộc, tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ của trẻ em.

Điều 32

1. Các Quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và làm bất kỳ công việc gì có thể nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự

phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức hay xã hội của trẻ em.

2. Các Quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp pháp chế, hành chính, xã hội và giáo dục nhằm đảm bảo việc thực hiện điều này. Để đạt mục tiêu này và lưu ý đến các điều khoản thích hợp của các văn kiện quốc tế khác, các Quốc gia thành viên phải:

- a) Quy định một hay nhiều hạn tuổi tối thiểu được phép thu nhận là người làm công;
- b) Có quy định thích hợp về giờ giấc và những điều kiện lao động của người làm công;
- c) Có các quy định hình phạt thích hợp hay các hình thức trừng trị khác để đảm bảo việc thực hiện điều khoản này.

Điều 34.

Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em trước mọi hình thức bóc lột và lạm dụng tình dục. Với mục đích này, các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện mọi biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa;

- a) Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động tình dục trái pháp luật nào;
- b) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong hoạt động mại dâm hay các hoạt động tình dục trái pháp luật khác;
- c) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong các cuộc biểu diễn hay trong các tài liệu khiêu dâm.

Điều 36.

Các quốc gia thành viên phải bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột khác làm phương hại về bất kỳ phương diện nào đến phúc lợi của trẻ em.

6. 2.2. Luật pháp Việt Nam (2, 3, 5-12)

Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm tất cả các hình thức bạo hành đối với trẻ

em bao gồm xâm hại thể chất, tinh thần và tình dục, sao nhãng và bóc lột vì mục đích thương mại.

Trên cơ sở phê chuẩn công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1990, Việt Nam đã xây dựng Luật Bảo vệ Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 1991 và sửa đổi năm 2004. Luật Trẻ em số: 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016 nhằm thể chế hoá việc thực hiện các quyền của trẻ em tại Việt Nam.

Bên cạnh đó Chính phủ cũng ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, góp phần từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của trẻ em, trong đó trọng tâm là tăng cường bảo vệ trẻ em như:

- Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/2/2004 về việc thực hiện Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại nguy hiểm giai đoạn 2004-2010;

- Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP quy định mức trợ cấp xã hội cho các đối tượng yếu thế trong đó có trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ tàn tật nặng, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học và nhiễm HIV/AIDS;

- Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (trong đó có các tiêu chuẩn nhằm tạo ra môi trường an toàn, lành mạnh và thân thiện cho trẻ em);

- Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 22/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015;

- Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020;

- Nghị định số: 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ

Quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em về các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chính sách hỗ trợ; hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; chăm sóc thay thế cho trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc bảo đảm để trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em;

- Quyết định 782/QĐ - TTg ngày 27/5/2021 Phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THỰC HÀNH

1. Trình bày khái niệm về trẻ em theo pháp luật quốc tế và Việt Nam. Những đối tượng nào được hưởng các quyền cơ bản của trẻ em?
2. Theo pháp luật Việt Nam như thế nào là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt? Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt gồm những nhóm đối tượng nào?
3. Trình bày các hình thức trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
4. Như thế nào là trẻ em có nguy cơ xâm hại, bóc lột và sao nhãng? Những hình thức cơ xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em? Liên hệ về tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở địa phương.

CHƯƠNG 2: PHÒNG NGỪA XÂM HẠI, BÓC LỘT VÀ SAO NHÃNG TRẺ EM

Giới thiệu

Trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em thì việc phòng ngừa xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em đóng vai trò quan trọng. Nội dung chương 2 sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức để nhận biết các dấu hiệu, nhận diện các yếu tố nguy cơ trẻ bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng; Thực trạng và hậu quả của nó đối với trẻ em và gia đình. Để thực hiện tốt công tác phòng ngừa xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em cần đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao năng lực phòng ngừa cho trẻ và gia đình trẻ.

Mục tiêu

- **Kiến thức:** Phân tích được thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của việc xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em; Nhận diện được các yếu tố nguy cơ việc xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em đối với trẻ em và gia đình; Trình bày được vai trò, hình thức về truyền thông trong công tác phòng ngừa xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em cũng như các hoạt động nâng cao năng lực cho trẻ và gia đình trẻ.

- **Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá, thảo luận, làm việc nhóm, kỹ năng truyền thông; Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề về xâm hại, bóc lột, sao nhãng trẻ em trong các trường hợp cụ thể và nhận diện, đánh giá được một số vấn đề về xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em hiện nay.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tích cực, chủ động trong các hoạt động nâng cao năng lực cho trẻ và gia đình trẻ. Phát huy vai trò của truyền thông trong phòng ngừa xâm hại, bóc lột, sao nhãng và bảo vệ trẻ em.

Nội dung chính

1. VẤN ĐỀ XÂM HẠI, BÓC LỘT VÀ SAO NHÃNG TRẺ EM (4, 13-15)

7. 1.1. Nhận biết các dấu hiệu xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em

- Cán bộ xã hội khi làm việc với trẻ em cần phải nhìn nhận sự xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em dựa trên các bằng chứng cụ thể để tránh những kết luận sai lầm, và có hành động bảo vệ kịp thời cho trẻ em khi có chứng cứ của xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em xảy ra.

- Những chứng cứ cho thấy một đứa trẻ đã chịu một số dạng ngược đãi được gọi là “chỉ số/dấu hiệu”. Có hai dạng chỉ số/dấu hiệu:

+ Chỉ số về thể chất - tổn hại cho cơ thể trẻ.

+ Chỉ số về tâm lý - nhận thức và hành vi.

Cán bộ xã hội không thể chỉ dựa vào nội dung trẻ kể lại với họ để kết luận về xâm hại, bóc lột và sao nhãng. Vì trẻ em có thể quá nhỏ để có thể diễn đạt câu chuyện xảy ra với em, hoặc quá sợ hãi để kể lại một cách đầy đủ, hoặc chịu áp lực từ phía cha mẹ nên chúng không thể tiết lộ bí mật về sự ngược đãi, hoặc quá xúc động đến mức lẫn lộn không thể nhớ được những tình tiết câu chuyện đã xảy ra với em. Thay vào đó, cán bộ xã hội cần quan sát kỹ trẻ cả bề ngoài lẫn tinh thần để đọc được những dấu hiệu là bằng chứng sự xâm hại, bóc lột và sao nhãng và suy ra những điều đang xảy ra cho trẻ. Vì vậy, các thông tin để làm căn cứ cho chỉ số phải được thu thập qua những cuộc nói chuyện với trẻ, với thủ phạm và những người khác trong trường hợp lạm dụng để chứng minh cho những gợi ý của dấu hiệu nhận biết.

Sự hiện diện của mỗi đặc điểm không có nghĩa là có sự lạm dụng trẻ em, tuy nhiên nghiên cứu đã chứng minh rằng mỗi chỉ số có một mối quan hệ chặt chẽ với sự lạm dụng trẻ em.

Dưới đây là một vài dấu hiệu về thể chất và hành vi của trẻ có liên quan tới các hình thức xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em:

Hình	Dấu hiệu về thể chất	Dấu hiệu về hành vi
------	----------------------	---------------------

thức		
Xâm hại về thể chất	Dấu hiệu trên cơ thể : - Những vết thâm tím. + Trên mặt, môi, miệng + Trên thân thể, lưng, mông, đùi + Vết thương đang lên da non hay đã thành sẹo + Hình dạng của vật đã được dùng để gây ra vết thương như vết ngón tay, hay vết lần của roi... + Ở những chỗ khó có thể bị thương tổn nếu ngã (như ở sau đùi) tỏ ra né tránh những tình huống phải phơi bày những vết thương này ra trước mặt các bạn khác (ví dụ khi thi đấu thể thao), và những vết kéo dài, dấu tích của nhiều trận đòn. - Những vết bồng : + Vết bồng do thuốc lá, đặc biệt ở những	Mặc quần áo không phù hợp hoặc từ chối không thay quần áo (nhằm che giấu chỗ bị thương hay bị tím) Đề phòng khi tiếp xúc với người lớn Sợ hãi khi thấy đứa trẻ khác khóc Có hành vi cực đoan - như quá hung hăng gây gỗ hay quá nhút nhát, thu mình Rất sợ bố mẹ Sợ phải về nhà, hoặc thường bỏ trốn khỏi gia đình (đặc biệt vị thành niên) Đến trường sớm và về muộn, không bao giờ muốn nghỉ học ngay cả khi bị ốm hoặc ngược lại thường xuyên nghỉ học. Từng bị phát hiện là bị bố mẹ đánh đập, gây thương tích Kêu đau hoặc đi lại khó khăn Kết quả học tập đột nhiên